

Số: 353/TB-ĐTPT

Bình Dương, ngày 15 tháng 9 năm 2020

**THÔNG BÁO**  
**LÃI SUẤT CHO VAY**

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/08/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Phát triển địa phương; Nghị định 37/2013/NĐ-CP ngày 22/04/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 10/06/2013;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 3597/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017 – 2021;

Căn cứ Công văn số 2643/UBND-KT ngày 05/06/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ,

Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương thông báo lãi suất cho vay như sau:

Stt	LOẠI HÌNH DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN	Lãi suất cho vay (%/năm)		
		Trên 12 tháng đến 18 tháng	Từ trên 18 tháng đến 60 tháng	Trên 60 tháng
<b>I</b>	<b>Kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường</b>			
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng.	6	6,5	6,5
2	Đầu tư phát triển điện, sử dụng năng lượng mặt trời.	6	6	6
3	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.	6	6	6,5
4	Đầu tư hệ thống xử lý nước thải, rác thải, khí thải, hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải.	5,5	6	6
5	Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng.	6	6	6,5
<b>II</b>	<b>Công nghiệp, công nghiệp phụ trợ</b>			
1	Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu công nghệ cao.			
2	Đầu tư các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp và khu công nghệ cao.	6	6,5	6,5
3	Di chuyển, sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, cụm làng nghề.			
<b>III</b>	<b>Nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn</b>			

1	Các dự án đầu tư kho bãi bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp.	5,5	6	6,5
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp.	5,5	6	6,5
3	Đầu tư xây dựng và bảo vệ rừng phòng hộ.			
<b>IV</b>	<b>Xã hội hóa hạ tầng xã hội</b>			
1	Đầu tư xây dựng phát triển nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân, ký túc xá sinh viên...)	Lãi suất theo quy định của Quỹ Phát triển Nhà ở		
2	Đầu tư xây dựng, mở rộng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, trường học, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại, chỉnh trang đô thị, hạ tầng khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư, văn hóa, thể dục thể thao, công viên.	6	6	6,5
3	Đầu tư xây dựng, cải tạo khu du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng gắn liền với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử tại địa phương.			
4	Di chuyển, sắp xếp, hiện đại hóa các khu nghĩa trang.	5,5	6	6
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác</b>			
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng các dự án thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ.	6	6	6,5
2	Đầu tư hạ tầng dự án dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển công nghiệp và đô thị.	6	6	6,5
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng các dự án thuộc ngành công nghiệp xuất khẩu.	6	6,5	7
4	Đầu tư kho bãi, cảng, hạ tầng kỹ thuật thông tin, viễn thông...	6	6	6,5
5	Đầu tư xây dựng, cải tạo hồ chứa nước, công trình thủy lợi.	5,5	6	6
<b>VI</b>	<b>Khách hàng vay bảo đảm bằng giấy tờ có giá do Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương phát hành</b>	6		

Mức lãi suất cho vay nêu trên áp dụng cho các dự án kể từ ngày ban hành Thông báo này.

Thông báo này thay cho Thông báo lãi suất cho vay số 41A/TB-ĐTPT ngày 20/01/2017 của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương. / *de*

**Nơi nhận:**

- Hội đồng quản lý Quỹ (đề b/c);
- Ban Kiểm soát Quỹ;
- Giám đốc, các PGĐ;
- Các phòng nghiệp vụ; *lum*
- Lưu: VT; phòng KH-TH *lum*



**Ngô Hoàng Minh**